

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN
CHỨC DANH: PHÓ GIÁO SƯ

Mã hồ sơ:



(Nội dung đúng ở ô nào thì đánh dấu vào ô đó: ; Nội dung không đúng thì để trống:)

Đối tượng đăng ký: Giảng viên ; Giảng viên thỉnh giảng

Ngành: Văn hóa - Nghệ thuật - Thể dục thể thao; Chuyên ngành: Báo chí

A. THÔNG TIN CÁ NHÂN

1. Họ và tên người đăng ký: Trần Quang Diệu

2. Ngày tháng năm sinh: 16/07/1979; Nam ; Nữ ; Quốc tịch: Việt Nam;

Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không

3. Đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam:

4. Quê quán (xã/phường, huyện/quận, tỉnh/thành phố): Tân Lập, Vũ Thư, Thái Bình.

5. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú (số nhà, phố/thôn, xã/phường, huyện/quận, tỉnh/thành phố): Phòng 2206 Chung cư 249A Thụy Khuê, phường Thụy Khuê, quận Tây Hồ, Thành phố Hà Nội.

6. Địa chỉ liên hệ (ghi rõ, đầy đủ để liên hệ được qua Bưu điện): Trần Quang Diệu, Trung tâm Ứng dụng Công nghệ thông tin, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, 135 Đường Nguyễn Phong Sắc, quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội.

Điện thoại nhà riêng: ...; Điện thoại di động: 0912252056; E-mail: dieutq@hcma.edu.vn

7. Quá trình công tác (công việc, chức vụ, cơ quan):

Từ tháng, năm: 8/2001 đến tháng, năm: 6/2011, Viện Công nghệ thông tin, Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam.

Từ tháng, năm: 7/2011 đến tháng, năm: 2/2017, Trung tâm Đào tạo, Tư vấn và Chuyển giao Công nghệ, Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam.

Từ tháng, năm: 3/2017 đến tháng, năm: 7/2017: Trường Đại học Giao thông Vận tải, Phân hiệu tại Thành phố Hồ Chí Minh.

Từ tháng, năm: 8/2017 đến tháng, năm: 10/2018: Học viện Báo chí và Tuyên truyền, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh.

Từ tháng, năm: 11/2018 đến tháng, năm: 7/2019: Cán bộ biệt phái, Trung tâm Ứng dụng Công nghệ thông tin, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh.

Từ tháng, năm: 8/2019 đến nay: Trung tâm Ứng dụng Công nghệ thông tin, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh.

Chức vụ: Hiện nay: Giám đốc; Chức vụ cao nhất đã qua: Giám đốc

Cơ quan công tác hiện nay: Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh

Địa chỉ cơ quan: 135 Nguyễn Phong Sắc, Cầu Giấy, Hà Nội

Điện thoại cơ quan: 024 3833 0687

Thỉnh giảng tại cơ sở giáo dục đại học (nếu có): Đại học Thủy Lợi; Học viện Báo chí và Tuyên truyền; Đại học Hồng Đức; Đại học Giao thông vận tải, Đại học Khoa học xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội.

8. Đã nghỉ hưu từ thángnăm

Nơi làm việc sau khi nghỉ hưu (nếu có):

Tên cơ sở giáo dục đại học nơi hợp đồng thỉnh giảng 3 năm cuối (tính đến thời điểm hết hạn nộp hồ sơ): Học viện Báo chí và Tuyên truyền; Trường Đại học Khoa học xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội.

9. Trình độ đào tạo:

- Được cấp bằng ĐH ngày 01 tháng 07 năm 2001; số văn bằng: 333710; ngành: Công nghệ thông tin, chuyên ngành: Công nghệ thông tin; Nơi cấp bằng ĐH (trường, nước): Khoa Công nghệ, Đại học Quốc gia Hà Nội.

- Được cấp bằng ĐH ngày 28 tháng 03 năm 2022; số văn bằng: 0143-VB2K19A-2022; ngành: Luật, chuyên ngành: Luật; Nơi cấp bằng ĐH (trường, nước): Đại học Luật Hà Nội, Việt Nam.

- Được cấp bằng ThS ngày 12 tháng 06 năm 2007; số văn bằng: QM004363; ngành: Công nghệ thông tin; chuyên ngành: Công nghệ thông tin; Nơi cấp bằng ThS (trường, nước): Đại học Công nghệ, Đại học Quốc gia Hà Nội, Việt Nam.

- Được cấp bằng TS ngày 31 tháng 10 năm 2016; số văn bằng: A01796; ngành: Khoa học máy tính; chuyên ngành: Mạng xã hội; Nơi cấp bằng TS (trường, nước): Đại học Yeungnam, Hàn Quốc

- Được cấp bằng TSKH ngày ... tháng ... năm; số văn bằng:; ngành:; chuyên ngành:; Nơi cấp bằng TSKH (trường, nước):

10. Đã được bổ nhiệm/công nhận chức danh PGS ngày tháng năm , ngành:

11. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh Phó Giáo sư tại HĐGS cơ sở: Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh.

12. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh Phó Giáo sư tại HĐGS ngành, liên ngành: Văn hóa – Nghệ thuật – Thể dục Thể thao.

13. Các hướng nghiên cứu chủ yếu: Truyền thông internet, truyền thông xã hội và công nghệ truyền thông số

14. Kết quả đào tạo và nghiên cứu khoa học:

- Đã hướng dẫn (số lượng) NCS bảo vệ thành công luận án TS;

- Đã hướng dẫn (số lượng) 11 HVCH/CK2/BSNT bảo vệ thành công luận văn ThS/CK2/BSNT (ứng viên chức danh GS không cần kê khai nội dung này);

- Đã hoàn thành đề tài NCKH từ cấp cơ sở trở lên: số lượng 7 cấp Cấp nhà nước: 01; cấp Bộ: 04; Cấp cơ sở 02;

- Đã công bố (số lượng) 34 bài báo khoa học, trong đó 07 bài báo khoa học trên tạp chí quốc tế có uy tín;

- Đã được cấp (số lượng) bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích;

- Số lượng sách đã xuất bản 14 sách, chương sách và tài liệu tham khảo, trong đó chủ biên 01 sách chuyên khảo; 03 chương sách; 02 giáo trình nội bộ và các sách, chương sách thuộc nhà xuất bản có uy tín;

- Số lượng tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu thể dục, thể thao đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế: 01 Giải thưởng của Hội nhà báo Việt Nam

15. Khen thưởng (các huân chương, huy chương, danh hiệu): 03 chiến sĩ thi đua cấp cơ sở; Bằng khen của Đoàn Thanh niên khối các cơ quan Trung ương; Kỷ niệm chương Vì sự nghiệp giáo dục.

16. Kỷ luật (hình thức từ khiển trách trở lên, cấp ra quyết định, số quyết định và thời hạn hiệu lực của quyết định): Không

B. TỰ KHAI THEO TIÊU CHUẨN CHỨC DANH GIÁO SƯ/PHÓ GIÁO SƯ

1. Tự đánh giá về tiêu chuẩn và nhiệm vụ của nhà giáo:

Căn cứ tiêu chuẩn của nhà giáo được quy định tại Điều 67 Luật Giáo dục số 43/2019/QH14 ngày 14 tháng 6 năm 2019 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, tôi tự đánh giá bản thân đáp ứng đầy đủ các tiêu chuẩn và nhiệm vụ của nhà giáo Việt Nam. Cụ thể như sau:

Về tiêu chuẩn của nhà giáo:

a) Có phẩm chất, tư tưởng, đạo đức tốt; có bản lĩnh chính trị vững vàng, luôn giữ quan hệ đúng mực với đồng nghiệp, học viên và sinh viên, thường xuyên trao đổi tư cách Ban hành kèm theo Công văn số 32/HĐGSNN ngày 20/5/2021 của Chủ tịch Hội đồng giáo

su nhà nước 5 đạo đức của giảng viên, tận tâm với công việc nghiên cứu, giảng dạy và tận tình, trách nhiệm với sinh viên, học viên.

Về đạo đức nghề nghiệp: Không vi phạm đạo đức nhà giáo, không đang trong thời gian bị kỷ luật từ hình thức khiển trách trở lên hoặc thi hành án hình sự; trung thực, khách quan trong đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động chuyên môn.

b) Đáp ứng chuẩn nghề nghiệp theo vị trí việc làm: Tôi đã được đào tạo đạt chuẩn về trình độ chuyên môn, nghiệp vụ; đáp ứng chuẩn nghề nghiệp theo vị trí việc làm. Tốt nghiệp đại học chính quy ngành Công nghệ thông tin chuyên ngành Công nghệ thông tin; tốt nghiệp Cử nhân Luật; có bằng Thạc sĩ về Công nghệ thông tin và Tiến sĩ ngành Khoa học máy tính, chuyên ngành Mạng xã hội. Tôi có kinh nghiệm 19 năm thực hiện công tác trong khu vực giáo dục và đào tạo và thực hiện công tác nghiên cứu, giảng dạy trong môi trường giáo dục và đào tạo đại học, sau đại học tại các cơ sở đào tạo, nghiên cứu khoa học cơ bản, 07 năm thực hiện nhiệm vụ đào tạo, nghiên cứu, giảng dạy tại Học viện Báo chí và Tuyên truyền và Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, chủ yếu trong ngành báo chí, truyền thông và lý luận chính trị.

c) Tôi thường xuyên cập nhật, nâng cao năng lực chuyên môn, nghiệp vụ về công tác tư tưởng, tuyên giáo. Đồng thời được trang bị đầy đủ phương pháp, kỹ năng nghiên cứu khoa học; được tập huấn, đào tạo chuyên môn bài bản, chuyên sâu; kỹ năng giảng dạy, nghiệp vụ sư phạm, giao tiếp, thuyết trình, làm việc nhóm tốt, chịu được áp lực cao trong công việc.

d) Bảo đảm sức khỏe theo yêu cầu nghề nghiệp: Có sức khỏe tốt đáp ứng yêu cầu của một giảng viên đại học.

Về nhiệm vụ: Trong suốt quá trình công tác tại Học viện Báo chí và Tuyên truyền và Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh tôi luôn thực hiện đầy đủ các nhiệm vụ của một nhà giáo Việt Nam được quy định ở Điều 69 Luật Giáo dục số: 43/2019/QH14 ngày 14 tháng 6 năm 2019 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

a) Nghiêm túc giảng dạy, giáo dục theo đúng mục tiêu, nguyên lý giáo dục, thực hiện đầy đủ và có chất lượng chương trình giáo dục đại học, sau đại học của Học viện Báo chí và Tuyên truyền và Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh

b) Luôn gương mẫu thực hiện nghĩa vụ công dân, điều lệ nhà trường, quy tắc ứng xử của nhà giáo tại cơ quan, đơn vị.

c) Luôn giữ gìn phẩm chất, uy tín, danh dự của nhà giáo; tôn trọng, đối xử công bằng với người học; bảo vệ các quyền, lợi ích chính đáng của học viên, sinh viên

d) Không ngừng học tập, rèn luyện để nâng cao phẩm chất đạo đức, trình độ chính trị, chuyên môn nghiệp vụ, đổi mới phương pháp giảng dạy, nêu gương tốt cho học viên, sinh viên.

2. Thời gian, kết quả tham gia đào tạo, bồi dưỡng từ trình độ đại học trở lên:

- Tổng số năm thực hiện nhiệm vụ đào tạo: 19 năm 0 tháng
- Khai cụ thể ít nhất 06 năm học, trong đó có 03 năm học cuối liên tục tính đến ngày hết hạn nộp hồ sơ (ứng viên GS chỉ khai 3 năm cuối liên tục sau khi được công nhận PGS):

TT	Năm học	Số lượng NCS đã hướng dẫn		Số lượng ThS/CK2/BSNT đã hướng dẫn	Số đề án, khóa luận tốt nghiệp ĐH đã HD	Số giờ chuẩn gd trực tiếp trên lớp		Tổng số giờ chuẩn gd trực tiếp trên lớp/số giờ chuẩn gd quy đổi/số giờ chuẩn định mức (*)
		Chính	Phụ			ĐH	SDH	
1	2017-2018			1		315.00		315/455/270
2	2018-2019			2		240.00	210.00	450/520/270
3	2019-2020			2		60.00	175.00	235/467.5/290
03 năm học cuối								
4	2020-2021			4		120.00	140.00	360/486.5/72.5
5	2021-2022			3		105.00	30.00	135/255/72.5
6	2022-2023			4	1	120.00	40.00	160/370/72.5

(*) - Trước ngày 25/3/2015, theo Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên ban hành kèm theo Quyết định số 64/2008/QĐ-BGDĐT ngày 28/11/2008, được sửa đổi bổ sung bởi Thông tư số 36/2010/TT-BGDĐT ngày 15/12/2010 và Thông tư số 18/2012/TT-BGDĐT ngày 31/5/2012 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT.

- Từ 25/3/2015 đến trước ngày 11/9/2020, theo Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên ban hành kèm theo Thông tư số 47/2014/TT-BGDĐT ngày 31/12/2014 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT;

- Từ ngày 11/9/2020 đến nay, theo Quy định chế độ làm việc của giảng viên cơ sở giáo dục đại học ban hành kèm theo Thông tư số 20/2020/TT-BGDĐT ngày 27/7/2020 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT; định mức giờ chuẩn giảng dạy theo quy định của thủ trưởng cơ sở giáo dục đại học, trong đó định mức của giảng viên thỉnh giảng được tính trên cơ sở định mức của giảng viên cơ hữu.

3. Ngoại ngữ:

3.1. Tên ngoại ngữ thành thạo phục vụ chuyên môn: Tiếng Anh

a) Được đào tạo ở nước ngoài:

- Học ĐH ; Tại nước:; Từ năm đến năm

- Bảo vệ luận văn ThS hoặc luận án TS hoặc TSKH; tại nước: Hàn Quốc năm 2016

b) Được đào tạo ngoại ngữ trong nước:

- Trường ĐH cấp bằng tốt nghiệp ĐH ngoại ngữ: số bằng:; năm cấp:

c) Giảng dạy bằng tiếng nước ngoài:

- Giảng dạy bằng ngoại ngữ:

- Nơi giảng dạy (cơ sở đào tạo, nước):

d) Đối tượng khác ; Diễn giải:

3.2. Tiếng Anh (văn bằng, chứng chỉ):

4. Hướng dẫn NCS, HVCH/CK2/BSNT đã được cấp bằng/có quyết định cấp bằng

TT	Họ tên NCS hoặc HVCH/CK2/BSNT	Đối tượng		Trách nhiệm hướng dẫn		Thời gian hướng dẫn từ ... đến ...	Cơ sở đào tạo	Ngày, tháng, năm được cấp bằng/có quyết định cấp bằng
		NCS	HVCH/CK2/BSNT	Chính	Phụ			
1	Nguyễn Thị Đào Trung		HVCH	X		2017-2018	Học viện Báo chí và Tuyên truyền	04/4/2018
2	Chu Thị Kiều Trang		HVCH	X		2018-2019	Học viện Báo chí và Tuyên truyền	11/4/2019
3	Trần Thu Trang		HVCH	X		2018-2019	Học viện Báo chí và Tuyên truyền	11/4/2019
4	Nguyễn Phi Trường		HVCH	X		2019-2020	Học viện Báo chí và Tuyên truyền	18/12/2019
5	Trần Văn Phương		HVCH	X		2019-2020	Học viện Báo chí và Tuyên truyền	18/12/2019
6	Trần Thái Sơn		HVCH	X		2020-2021	Học viện Báo chí và Tuyên truyền	28/12/2020
7	Vì Thị Trang		HVCH	X		2020-2021	Học viện Báo chí và Tuyên truyền	24/12/2021
8	Trịnh Minh		HVCH	X		2018-2019	Đại học Hồng Đức	28/2/2020
9	Nguyễn Anh Chiến		HVCH	X		2018-2019	Đại học Hồng Đức	28/2/2020
10	Phạm Thị Thoa		HVCH	X		2020-2022	Học viện Báo chí và Tuyên truyền	06/2/2023
11	Hoàng Vũ Hạnh		HVCH	X		2020-2022	Học viện Báo chí và Tuyên truyền	Chờ cấp bằng

Ghi chú: Ứng viên chức danh GS chỉ kê khai thông tin về hướng dẫn NCS.

5. Biên soạn sách phục vụ đào tạo từ trình độ đại học trở lên:

TT	Tên sách	Loại sách (CK, GT, TK, HD)	Nhà xuất bản và năm xuất bản	Số tác giả	Chủ biên	Phần biên soạn (từ trang ... đến trang)	Xác nhận của cơ sở GDĐH (số văn bản xác nhận sử dụng sách)
I	Trước khi được công nhận PGS/TS						
1	Sách: Computational Collective Intelligence, Lecture Notes in	CK	Springer, 2015	3	X	Trang: 390–399	3195-XN/HVBCTT ngày 10 tháng 6 năm 2023

	Computer Science, vol. 9329 Chương sách: Movie Summarization Using Characters Network Analysis						
II Sau khi được công nhận PGS/TS							
2	Công nghệ truyền thông số	CK	Nhà xuất bản Lý luận chính trị, 2023	1	x		3029-XN/HVBCTT ngày 10 tháng 6 năm 2023
3	Tư tưởng Hồ Chí Minh về báo chí cách mạng và ý nghĩa đối với xây dựng nền báo chí cách mạng ở Việt Nam thời kỳ đổi mới	CK	Nhà xuất bản Lý luận Chính trị, 2019	17		Trang: 7-84	3196-XN/HVBCTT ngày 10 tháng 6 năm 2023
4	Mạng xã hội trong bối cảnh phát triển xã hội thông tin ở Việt Nam – Lý luận, thực tiễn và kinh nghiệm	TK	Nhà xuất bản Lao động, 2019	11		Trang: 265 - 287	3025-XN/HVBCTT ngày 10 tháng 6 năm 2023
5	Truyền thông chính sách và đồng thuận xã hội	TK	Nhà xuất bản Chính trị quốc gia sự thật, 2018	5		Trang: 321- 347	3026-XN/HVBCTT ngày 10 tháng 6 năm 2023
6	Truyền thông chính sách và năng lực tiếp nhận của công chúng	TK	Nhà xuất bản Chính trị quốc gia sự thật, 2019	5		Trang: 443- 458	3027-XN/HVBCTT ngày 10 tháng 6 năm 2023
7	Định hướng, giải pháp bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, đấu tranh ngăn chặn các quan điểm sai trái, thù địch trên mạng xã hội	CK	Nhà xuất bản Chính trị quốc gia sự thật, 2021	20		Trang: 15-50 Trang: 92- 126 Trang: 201- 306	3028-XN/HVBCTT ngày 10 tháng 6 năm 2023
8	Sách: Edge Computing: Models, technologies and applications Chương sách: Edge Computing Architectures	CK	Springer, 2020	5		Trang 27 - 45	3140-XN/HVBCTT ngày 10 tháng 6 năm 2022

9	Sách: Advanced Computational Methods for Knowledge Engineering, Advances in Intelligent Systems and Computing, vol. 629 Chương sách: Story-Based Multimedia Analysis Using Social Network Technique	CK	Springer, 2016	5	X	Trang: 95-106	3196-XN/HVBCTT ngày 10 tháng 6 năm 2023
10	Sách: Big Data Technologies and Applications, Lecture Notes of the Institute for Computer Sciences, Social Informatics and Telecommunications Engineering, vol. 194 Chương sách: A Novel Method for Extracting Dynamic Character Network from Movie	CK	Springer, 2017	4	X	Trang: 48 - 53	3197-XN/HVBCTT ngày 10 tháng 6 năm 2023
11	Công nghệ truyền thông số	GT		1	X		3144-XN/HVBCTT ngày 10 tháng 6 năm 2022
12	Nhập môn truyền thông đa phương tiện	GT		1	X		3145-XN/HVBCTT ngày 10 tháng 6 năm 2022
13	Tài liệu bồi dưỡng chức danh nghề nghiệp Biên tập viên hạng II	TK	Nhà xuất bản Thông tin và truyền thông, 2019	9		Trang 7- 53; Trang 193-222; Trang 225-251 Trang 623-661	01/XN-BDCB ngày 10 tháng 6 năm 2022
14	Tài liệu bồi dưỡng chức danh nghề nghiệp Phóng viên hạng II	TK	Nhà xuất bản Thông tin và truyền thông, 2019	9		Trang: 7-49 Trang: 177-203 Trang: 205-229 Trang: 301-328 Trang 541-565	02/XN-BDCB ngày 10 tháng 6 năm 2022

Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) sách chuyên khảo do nhà xuất bản có uy tín xuất bản và chương sách do nhà xuất bản có uy tín trên thế giới xuất bản, mà ứng viên là chủ biên sau PGS/TS: [5].

Lưu ý:

- Chỉ kê khai các sách được phép xuất bản (Giấy phép XB/Quyết định xuất bản/số xuất bản), nộp lưu chiểu, ISBN (nếu có)).

- Các chữ viết tắt: CK: sách chuyên khảo; GT: sách giáo trình; TK: sách tham khảo; HD: sách hướng dẫn; phần ứng viên biên soạn cần ghi rõ từ trang.... đến trang..... (ví dụ: 17-56; 145-329).

6. Thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ đã nghiệm thu:

TT	Tên nhiệm vụ khoa học và công nghệ (CT, ĐT...)	CN/PCN/TK	Mã số và cấp quản lý	Thời gian thực hiện	Thời gian nghiệm thu (ngày, tháng, năm)/Xếp loại KQ
I	Trước khi được công nhận PGS/TS				
1					
II	Sau khi được công nhận PGS/TS				
1	Mạng xã hội trong bối cảnh phát triển xã hội thông tin ở Việt Nam	Thành viên chính	KX.01.10/16-20 Cấp Nhà nước	2016-2020	2726/QĐ-BKHCN ngày 05 tháng 10 năm 2020
2	Giáo trình nội bộ sau đại học: “Công nghệ truyền thông số”	CN	CS89-2018 Cấp: Cơ sở	2018	5324-QĐ/HVBCTT-KH ngày 25 tháng 12 năm 2018 Xếp loại: Đạt
3	Giáo trình nội bộ: “Nhập môn truyền thông đa phương tiện”	CN	CS87-2018 Cấp: Cơ sở	2018	5321-QĐ/HVBCTT-KH ngày 25 tháng 12 năm 2018 Xếp loại: Đạt
4	Quản lý thông tin truyền thông trên mạng xã hội ở Việt Nam hiện nay	TK	B18-18 Cấp Bộ	2018-2019	91/QĐ-HVCTQG ngày 09 tháng 1 năm 2018 Xếp loại: Đạt
5	Nghiên cứu đề xuất định hướng bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, đấu tranh ngăn chặn các quan điểm sai trái, thù địch trên lĩnh vực tư tưởng, lý luận và văn học, nghệ thuật	Thành viên chính	Trọng điểm cấp Bộ	2019-2020	658-QĐ/HVCTQG ngày 15 tháng 02 năm 2019 Xếp loại: Đạt
6	Dữ liệu lớn (Big Data) và giải pháp ứng dụng trong công tác đào tạo, nghiên cứu, giảng dạy tại Học	Thành viên chính	B.20-30 Cấp bộ	2018-2019	7019-QĐ/HVCTQG ngày 31 tháng 8 năm 2020 Xếp loại: Đạt

	viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh				
7	Khai thác hiệu quả tài liệu số hóa ở Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh hiện nay	CN	Cấp Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh	2021-2012	1603-BB/HVCTQG ngày 30 tháng 12 năm 2022 Xếp loại: Đạt

- Các chữ viết tắt: CT: Chương trình; ĐT: Đề tài; CN: Chủ nhiệm; PCN: Phó chủ nhiệm; TK: Thư ký.

7. Kết quả nghiên cứu khoa học và công nghệ đã công bố (bài báo khoa học, báo cáo khoa học, sáng chế/giải pháp hữu ích, giải thưởng quốc gia/quốc tế):

7.1.a. Bài báo khoa học, báo cáo khoa học đã công bố:

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tạp, số, trang	Tháng, năm công bố
I Trước khi được công nhận PGS/TS								
1	CoCharNet: Extracting Social Networks using Character Co-occurrence in Movies	2	x	Journal of Universal Computer Science ISSN: 0948-695X (print) 0948-6968 (web)	SCIE, IF: 1.139 Q2: Khoa học máy tính (các lĩnh vực có liên quan)	36	Tạp: 21 Số: 6 796 - 815	2015
2	Exploiting character networks for movie summarization	4	x	Multimedia Tools and Applications ISSN: 13807501, 15737721	SCI, IF: 2.97 Q1: Công nghệ truyền thông	41	Tạp: 76 10357-10369	2016
II Sau khi được công nhận PGS/TS								
1	Character-based indexing and browsing with movie ontology	3	x	Journal of Intelligent & Fuzzy Systems ISSN: 1875-8967	SCI, IF: 1.74 Q3 (Thông minh nhân tạo)	9	Tạp: 32 Số: 2 1229-1240	2017
2	Cách mạng công nghệ 4.0: Báo chí cần làm gì để không bị tụt hậu?	2	x	Tạp chí công sản điện tử ISSN: 2734-9071			tapchicongsan.org.vn	2017
3	SDNbox: A portable open-source testbed for SDN study	5		International Conference on Information and Communication Technology Convergence, ISBN: 978-1-5090-4033-9			Trang: 829-833	2017

4	Movie indexing and summarization using social network techniques	3	x	Vietnam Journal of Computer Science ISSN 2196-8888	Scopus, IF: 1.647	7	Tập: 5 Số: 2 157-164	2018
5	A softwarized paradigm for mobile virtual networks: Overcoming a lack of access infrastructure	6		IEEE Vehicular Technology Magazine ISSN 1556-6072	ISI, IF: 10.35 Q1 (Thông minh nhân tạo)	4	Tập: 13 Số: 4 106-115	2018
6	Cách mạng Công nghiệp 4.0: Thách thức trong đào tạo báo chí	2	x	Tạp chí Người làm báo ISSN:0886-7691			Tập 5 Trang: 27-28	2018
7	Hội tụ công nghệ và nội dung dưới tác động của kỷ nguyên 4.0	1	x	Tạp chí Người làm báo ISSN:0886-7691			Tập 12 Trang: 42-44	2018
8	Sự tác động của cách mạng 4.0 tới báo chí – truyền thông ở Việt Nam	2	x	Tạp chí Lý luận chính trị và Truyền thông ISSN: 1856-1485			Số 10, Trang: 15-19	2018
9	Mạng xã hội và truyền thông chính sách ở Hoa Kỳ và Hàn Quốc, bài học kinh nghiệm cho Việt Nam	2	x	Tạp chí Lý luận chính trị và Truyền thông ISSN: 1856-1485			Số 1 Trang 78-83	2018
10	Tác động của cách mạng công nghiệp lần thứ tư đến báo chí - truyền thông ở Việt Nam hiện nay	2	x	Kỷ yếu hội thảo quốc gia “Quản lý truyền thông trong bối cảnh cách mạng công nghiệp lần thứ tư thực trạng và vấn đề đặt ra”			Trang: 59-73	2018
11	Kinh nghiệm quản lý truyền thông của một số nước Bắc Mỹ trong bối cảnh của cuộc cách mạng công nghiệp 4.0	2	x	Kỷ yếu hội thảo quốc gia “Quản lý truyền thông trong bối cảnh cách mạng công nghiệp lần thứ tư thực trạng và vấn đề đặt ra”			Trang: 133-144	2018
12	The role of Social Media and Social Networks in Policy Communication for Ethnic Minorities in Vietnam Today	2	x	International Semaul Development Conference, Korea,			Trang 154-161	2019
13	Hướng tới mô hình quản trị thông minh tại Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh	1	x	Tạp chí Lý luận chính trị ISSN: 2525-2585			Tập 9 Trang: 116-123	2019
14	Tác động của công nghệ truyền thông số với	1	x	Tạp chí Lịch sử Đảng			Số 6 Trang: 61-65	2020

	công tác thông tin, tuyên truyền của Đảng trong bối cảnh cách mạng công nghiệp 4.0			ISSN: 0936-8477				
15	Việt Nam trong điều kiện thích ứng với cuộc cách mạng công nghiệp 4.0	1	x	Tạp chí Thông tin khoa học lý luận chính trị ISSN: 2354-1040			Số 1 Trang: 64-67	2020
16	Xây dựng mô hình quản trị học viện thông minh của Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh Thực trạng và giải pháp	1	x	Tạp chí Khoa học chính trị, ISSN: 1859-0187			Số 6 Trang: 55-60	2020
17	Mô hình tòa soạn hội tụ và gợi mở cho các học viện, nhà trường	1	x	Tạp chí Lý luận chính trị ISSN: 2525-2585			Số: 525 Tập: 9	2021
18	Bảo vệ quyền con người trong điều kiện phát triển mạng xã hội ở Việt Nam hiện nay	2	x	Tạp chí Lịch sử Đảng ISSN: 0936-8477			Số 7, Trang: 55-60	2021
19	Sự thay đổi của báo chí trước tác động của công nghệ và bùng nổ mạng xã hội	1	x	Tạp chí Thông tin khoa học lý luận chính trị ISSN: 2354-1040			Số 7 Trang: 74-79	2021
20	The impact of Digital Transformation on Jobs and Laborers	1	x	Kỷ yếu hội thảo quốc tế “Governing the sustainable development process in the context of Covid-19 pandemic”, Nhà xuất bản lý luận chính trị ISBN: 978-604-962-931-0			Trang: 723-737	2021
21	A Deep Learning Based Traffic Sign Detection for Intelligent Transportation Systems	7	x	International Conference on Computational Data and Social Networks ISBN: 978-3-030-91433-2			Trang: 129–137	2021
22	Intelligent Augmented Video Streaming Services Using Lightweight QR Code Scanner	9		2021 IEEE International Conference on Communication, Networks and Satellite (COMNETSAT), 978-1-6654-3435-5			Trang: 103-107	2021

23	Một số vấn đề về truyền thông chính sách cho đồng bào dân tộc thiểu số ở miền Trung và Tây Nguyên trong bối cảnh chuyển đổi số hiện nay	1	x	Tạp chí công sản điện tử ISSN: 2734-9071			tapchicongsan.org.vn	2022
24	A Graph-based Topic Modeling Approach to Detection of Irrelevant Citations	4	x	Vietnam Journal of Computer Science ISSN 2196-8888	Scopus, IF: 1.647		https://doi.org/10.1142/S2196888822500336	2022
25	Towards a Review-Analytics-as-a-Service (RAaaS) Framework for SMEs: A Case Study on Review Fraud Detection and Understanding	9		Australasian Marketing Journal ISSN: 1441-3582	Scopus, IF: 6.47		https://doi.org/10.1177/14413582221146004	2023
26	Hành lang pháp lý trong quản lý báo chí ở một số quốc gia và gợi mở cho Việt Nam	1	x	Hội thảo quốc gia: Cơ sở khoa học và thực tiễn sửa đổi, bổ sung luật báo chí 2016			https://hoithao.ctvietnam.vn/ha-nh-lang-phap-ly-trong-quan-ly-bao-chi-o-mot-so-quoc-gia-va-goi-mo-cho-viet-nam-181707.html	2023
27	Vấn đề ứng dụng trí thông minh nhân tạo trong báo chí, truyền thông ở Việt Nam hiện nay	1	x	Tạp chí điện tử Lý luận chính trị ISSN 2525-2607			http://lyluanchinhtri.vn/home/index.php/bai-noi-bat/item/4871-van-de-ung-dung-tri-thong-minh-nhan-tao-trong-bao-chi-truyen-thong-o-viet-nam-hien-nay.html	2023
28	An toàn và an ninh thông tin trong bối cảnh chuyển đổi số	1	x	Tạp chí Lý luận Chính trị ISSN 2525-2607			Số 1 Trang: 44-49	2023
29	Công chúng truyền thông trong bối cảnh truyền thông số ở Việt Nam hiện nay	1	x	Tạp chí Lý luận Chính trị ISSN 2525-2607			http://lyluanchinhtri.vn/home/index.php/dien-dan/item/5061-cong-chung-truyen-thong-trong-boi-canhtruyen-thong-so-o-viet-nam.html	2023
30	Chuyển đổi số và phát triển bền vững ở Việt Nam trong bối cảnh hiện nay	2	x	Tạp chí Lịch sử Đảng ISSN: 0936-8477			Số 2 Trang: 61-68	2023

31	Xu thế phát triển của báo chí truyền thông trong bối cảnh chuyển đổi số ở Việt Nam hiện nay	1	x	Tạp chí Lịch sử Đảng ISSN: 0936-8477			Số 6 Trang: 61-67	2023
32	Truyền thông chính trị trong bối cảnh chuyển đổi số ở Việt Nam hiện nay	1	x	Tạp chí cộng sản điện tử ISSN: 2734-9071			https://tapchicongsan.org.vn/web/guest/nghien-cu/-/2018/827504/truyen-thong-chinh-tri-trong-boi-can-h-chuyen-doi-so-o-nuoc-ta-hien-nay.aspx	2023

- Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) bài báo khoa học đăng trên tạp chí khoa học quốc tế có uy tín mà UV là tác giả chính sau PGS/TS: 5 bài báo.

7.1.b. Bài báo khoa học, báo cáo khoa học đã công bố (Dành cho các chuyên ngành thuộc ngành KH An ninh và KH Quân sự được quy định tại Quyết định số 25/2020/QĐ-TTg)

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc ký yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Thuộc danh mục tạp chí uy tín của ngành	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
I	Trước khi được công nhận PGS/TS						
1							
...							
II	Sau khi được công nhận PGS/TS						
1							
...							

- Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) bài báo khoa học đăng trên tạp chí khoa học uy tín của ngành mà UV là tác giả chính sau PGS/TS:

7.2. Bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích

TT	Tên bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích	Tên cơ quan cấp	Ngày tháng năm cấp	Tác giả chính/đồng tác giả	Số tác giả
1					
...					

- Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích được cấp, là tác giả chính sau PGS/TS:.....

7.3. Tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu thể dục thể thao đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế (đối với ngành Văn hóa, nghệ thuật, thể dục thể thao)

TT	Tên tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu TDTT	Cơ quan/tổ chức công nhận	Văn bản công nhận (số, ngày, tháng, năm)	Giải thưởng cấp Quốc gia/Quốc tế	Số tác giả
1					
...					

- Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu đạt giải thưởng quốc tế, là tác giả chính/hướng dẫn chính sau PGS/TS:

8. Chủ trì hoặc tham gia xây dựng, phát triển chương trình đào tạo hoặc chương trình/dự án/đề tài nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ của cơ sở giáo dục đại học đã được đưa vào áp dụng thực tế:

TT	Chương trình đào tạo, chương trình nghiên cứu ứng dụng KHCN	Vai trò UV (Chủ trì/ Tham gia)	Văn bản giao nhiệm vụ (số, ngày, tháng, năm)	Cơ quan thẩm định, đưa vào sử dụng	Văn bản đưa vào áp dụng thực tế	Ghi chú
1	Xây dựng chương trình đào tạo bậc đại học, ngành Truyền thông đa phương tiện	Tham gia		Bộ Giáo dục và Đào tạo	Quyết định số 2488/QĐ-BGDĐT ngày 05 tháng 7 năm 2018	BGD HV giao Trưởng khoa chủ trì xây dựng chương trình và thành viên tham gia
2	Xây dựng chương trình đào tạo bậc đại học, ngành Truyền thông đại chúng	Tham gia		Bộ Giáo dục và Đào tạo	Quyết định số 2158/QĐ-BGDĐT ngày 05 tháng 7 năm 2018	BGD HV giao Trưởng khoa chủ trì xây dựng chương trình và thành viên tham gia
3	Sửa đổi, bổ sung chương trình đào tạo bậc Thạc sĩ ngành Báo chí học	Tham gia		Bộ Giáo dục và Đào tạo	Quyết định số 37/QĐ-BGDĐT ngày 05 tháng 1 năm 2009	BGD Học viện giao Viện trưởng Viện Báo chí chủ trì xây dựng chương trình và thành viên tham gia
4	Sửa đổi, bổ sung chương trình đào tạo bậc Tiến sĩ ngành Báo chí học	Tham gia		Bộ Giáo dục và Đào tạo	Quyết định số 8752/QĐ-BGDĐT ngày 29 tháng 12 năm 2008	BGD Học viện giao Viện trưởng Viện Báo chí chủ trì xây dựng chương trình và thành viên tham gia

9. Các tiêu chuẩn không đủ so với quy định, đề xuất công trình khoa học (CTKH) thay thế*:

a) Thời gian được bổ nhiệm PGS

Được bổ nhiệm PGS chưa đủ 3 năm, còn thiếu (số lượng năm, tháng):

b) Hoạt động đào tạo

- Thâm niên đào tạo chưa đủ 6 năm (UV PGS), còn thiếu (số lượng năm, tháng):

- Giờ giảng dạy

+ Giờ chuẩn giảng dạy trực tiếp trên lớp không đủ, còn thiếu (năm học/số giờ thiếu):

+ Giờ chuẩn giảng dạy quy đổi không đủ, còn thiếu (năm học/số giờ thiếu):

- Hướng dẫn chính NCS/HVCH, CK2/BSNT:

+ Đã hướng dẫn chính 01 NCS đã có Quyết định cấp bằng TS (UV chức danh GS)

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn hướng dẫn 01 NCS được cấp bằng TS bị thiếu:.....
+ Đã hướng dẫn chính 01 HVCH/CK2/BSNT đã có Quyết định cấp bằng ThS/CK2/BSNT (UV chức danh PGS)

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn hướng dẫn 01 HVCH/CK2/BSNT được cấp bằng ThS/CK2/BSNT bị thiếu:

c) Nghiên cứu khoa học

- Đã chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp Bộ (UV chức danh GS)

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp Bộ bị thiếu:.....

- Đã chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở (UV chức danh PGS)

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở bị thiếu:.....

- Không đủ số CTKH là tác giả chính sau khi được bổ nhiệm PGS hoặc được cấp bằng TS:

+ Đối với ứng viên chức danh GS, đã công bố được: 03 CTKH ; 04 CTKH

Đề xuất sách CKUT/chương sách của NXB có uy tín trên thế giới là tác giả chính thay thế cho việc UV không đủ 05 CTKH là tác giả chính theo quy định:

+ Đối với ứng viên chức danh PGS, đã công bố được: 02 CTKH

Đề xuất sách CKUT/chương sách NXB có uy tín trên thế giới là tác giả chính thay thế cho việc UV không đủ 03 CTKH là tác giả chính theo quy định:

Chú ý: Đối với các chuyên ngành bí mật nhà nước thuộc ngành KH An ninh và KH Quân sự, các tiêu chuẩn không đủ về hướng dẫn, đề tài khoa học và công trình khoa học sẽ được bù bằng điểm từ các bài báo khoa học theo quy định tại Quyết định số 25/2020/QĐ-TTg.

d) Biên soạn sách phục vụ đào tạo (đối với ứng viên GS)

- Không đủ điểm biên soạn sách phục vụ đào tạo:

- Không đủ điểm biên soạn giáo trình và sách chuyên khảo:

C. CAM ĐOAN CỦA NGƯỜI ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN CHỨC DANH:

Tôi cam đoan những điều khai trên là đúng, nếu sai tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Hà Nội, ngày 28 tháng 6 năm 2023

NGƯỜI ĐĂNG KÝ

(Ký và ghi rõ họ tên)

Trần Quang Diệu